

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán
Phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty.

I. Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán:

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) tại báo cáo kiểm toán độc lập ký ngày 01/03/2019.

(Đính kèm chi tiết báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán)

II. Phân phối lợi nhuận năm 2018:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018 của Công ty cổ phần Thương Mại Mộc Hóa như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	261.761.068
2	Thù lao HĐQT và BKS	83.100.000
3	Lợi nhuận để phân phối các quỹ (1) - (2)	178.661.068
4	Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	17.866.107
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	17.866.107
6	Chi trả cổ tức	0
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	142.928.854

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị thống nhất kính trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	2.568.000.000
2	Thù lao HĐQT và BKS	111.600.000
3	Lợi nhuận để phân phối các quỹ (1) - (2)	2.456.400.000
4	Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	245.640.000
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	245.640.000

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
6	Chi trả cổ tức (12% vốn điều lệ)	1.915.944.000
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	49.176.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐIỀU QUANG TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MỘC HÓA

36
Y
N
MA
OA
1.1

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-36



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100496986 cấp ngày 11 tháng 07 năm 2001.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 32, ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ Phần.

Vốn điều lệ: 15.966.200.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành tin học, bưu chính viễn thông;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu: kinh doanh lương thực, hạt điều, lúa, gạo, hạt giống các loại, hàng nông sản, thức ăn gia súc;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Cung cấp dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học;
- Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, nước uống đóng chai;
- Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng điện gia dụng, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển xăng dầu; vận tải hàng hóa;
- Đại lý môi giới thương mại, đại lý ký gửi và tiêu thụ hàng hóa (tất cả các sản phẩm đơn vị sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước);
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá cây - tinh khiết;
- Kinh doanh trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành công nghiệp, thủy sản, xây dựng, giao thông, thiết bị văn phòng;
- Kinh doanh phụ tùng;
- Cung cấp dịch vụ tắm hơi, massage;
- Cung ứng và xuất khẩu lao động;
- Sản xuất, chế biến hạt điều, lúa, gạo, hạt giống các loại;
- Bán buôn vải, giày, dép, quần áo may sẵn;
- Kinh doanh dịch vụ truy cập Internet, game online;
- Giết mổ gia súc, gia cầm.

Tên tiếng anh: Moc Hoa Joint Stock Trading Company

Tên viết tắt: MJC

Trụ sở chính: 72 Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, Phường 1, Thị Xã Kiến Tường, Tỉnh Long An.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Điêu Quang Trung	Chủ tịch	
Bà	Nguyễn Anh Phượng	Thành viên	
Ông	Lý Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2018
Ông	Đặng Công Lộc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2018

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Trưởng ban	
Bà	Nguyễn Thị Thu Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2018
Ông	Nguyễn Văn Tuyển	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2018
Bà	Lê Thị Ngọc Đang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2018
Bà	Nguyễn Kim Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2018
Ông	Nguyễn Phú Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2018

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Văn Bé Hai	Giám đốc	
Ông	Trần Lô	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 08 năm 2018
Ông	Đặng Thanh Tâm	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 08 năm 2018
Ông	Đỗ Tâm Duy	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông	Đặng Thanh Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông	Đỗ Tâm Duy	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Nguyễn Văn Bé Hai	Giám đốc
-----	-------------------	----------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Cam kết của Ban Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

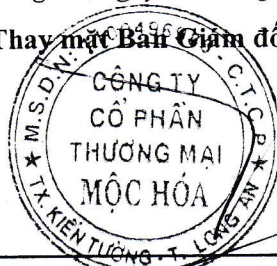
6. Xác nhận

Theo ý kiến của Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Long An, ngày 01 tháng 3 năm 2019

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Bè Hai

Giám đốc





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389 A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: C0818319-R/AISC-DN3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MỘC HÓA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa, được lập ngày 01 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017, đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 03 năm 2018. Điểm ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán năm trước được Công ty Cổ Phần Thương Mại Mộc Hóa điều chỉnh trong năm 2018.

Tp. HCM, ngày 01 tháng 3 năm 2019

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

BH TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Diên Thúy

Số GCNĐKHNKT: 0212-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Lê Thị Thanh Tâm

Số GCNĐKHNKT: 3199-2015-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



1004
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT NAM
TỔNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.295.885.102	65.968.436.124
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.851.871.046	3.218.796.891
1. Tiền	111		9.851.871.046	3.218.796.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.305.635.408	30.863.137.267
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	26.728.521.479	22.739.285.184
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.404.181.889	4.266.765.311
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.992.229.133	7.005.197.622
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3, 5	(4.021.439.125)	(3.296.221.580)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		202.142.032	148.110.730
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	20.677.088.777	29.967.642.598
1. Hàng tồn kho	141		20.677.088.777	29.967.642.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.461.289.871	1.918.859.368
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		380.468.068	335.978.252
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		964.295.959	1.469.241.144
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		116.525.844	113.639.972
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.769.592.547	15.226.258.548
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.412.600.000	412.600.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.412.600.000	412.600.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.572.846.469	10.433.438.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	6.731.698.843	7.281.730.103
- Nguyên giá	222		12.824.823.667	12.589.924.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.093.124.824)	(5.308.194.335)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.841.147.626	3.151.708.274
- Nguyên giá	228		4.943.972.552	4.943.972.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.102.824.926)	(1.792.264.278)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.275.335.126	68.867.550
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	2.275.335.126	68.867.550
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.062.243.971	3.935.797.691
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.123.514.981	4.123.514.981
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(61.271.010)	(187.717.290)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		446.566.981	375.554.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	446.566.981	375.554.930
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84.065.477.649	81.194.694.672

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.299.302.860	54.659.476.228
I. Nợ ngắn hạn	310		58.259.302.860	54.529.476.228
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	18.945.645.032	18.790.267.267
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	65.019.310	64.794.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	28.231.869	365.368.869
4. Phải trả người lao động	314		-	12.537.326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	44.127.945
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	4.908.334.710	2.928.766.199
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	34.190.100.579	32.160.140.343
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		121.971.360	163.473.554
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		40.000.000	130.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	40.000.000	130.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

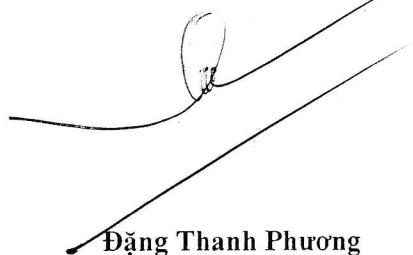
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.766.174.789	26.535.218.444
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	25.766.174.789	26.535.218.444
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.966.200.000	15.966.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.966.200.000	15.966.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.307.000.000	1.307.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.131.022.223	7.951.480.139
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		361.952.566	1.310.538.305
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		183.291.498	113.591.076
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		178.661.068	1.196.947.229
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.065.477.649	81.194.694.672

Long An, ngày 01 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thanh Phương

Đặng Thanh Phương

Nguyễn Văn Bé Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

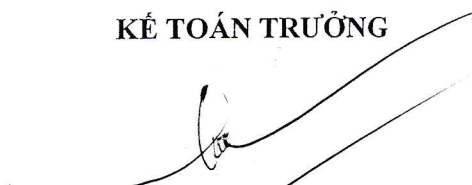
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	310.982.587.708	278.339.938.764
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	12.996.013.145	3.427.599.246
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	297.986.574.563	274.912.339.518
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	283.867.717.529	261.515.541.398
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.118.857.034	13.396.798.120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	656.474.400	1.321.498.542
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	1.943.286.697	2.189.597.092
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.982.753.726	2.271.184.150
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	2.767.538.305	2.168.545.502
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10.268.612.618	10.484.036.893
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(204.106.186)	(123.882.825)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	690.850.303	3.349.923.795
12. Chi phí khác	32	VI.9	121.802.722	66.028.306
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		569.047.581	3.283.895.489
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		364.941.395	3.160.012.664
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	103.180.327	627.194.258
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		261.761.068	2.532.818.406
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	112	1.442
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	112	1.442

Long An, ngày 01 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thanh Phương

Đặng Thanh Phương

Nguyễn Văn Bé Hai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		364.941.395	3.160.012.664
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11-14	1.211.237.589	1.266.744.675
- Các khoản dự phòng	03		(479.465.323)	1.120.149.164
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		65.018.470	(29.017.763)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(119.847.637)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	1.982.753.726	2.271.184.150
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.144.485.857	7.669.225.253
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(4.964.340.371)	(1.429.700.256)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		9.290.553.821	4.614.302.151
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.580.134.789	(6.198.789.041)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(115.501.867)	112.681.010
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.982.753.726)	(2.259.226.765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(442.241.327)	(1.105.214.153)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.944.631.729)	(209.228.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.565.705.447	1.194.050.199
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.008.068.400)	(31.838.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		528.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		380.805.342	119.847.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(99.263.058)	88.009.364

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

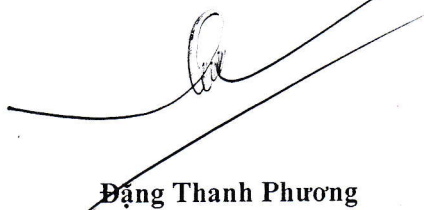
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		279.465.666.505	225.622.410.670
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(277.435.706.269)	(223.238.052.075)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(798.310.000)	(1.915.944.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.231.650.236	468.414.595
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		6.698.092.625	1.750.474.158
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.218.796.891	1.439.304.970
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(65.018.470)	29.017.763
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		9.851.871.046	3.218.796.891

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phương

Long An, ngày 01 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Văn Bé Hai